**Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá**

**1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Bình Dương.

**Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhân hồ sơ

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: bộ phận tiếp nhận kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ cán bộ tiếp nhận và viết Biên nhận và hẹn ngày trả kết quả.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, bộ phận tiếp nhận xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung.

**Bước 3:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký, vào sổ đăng ký tàu cá và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT và cấp Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận, nộp giấy biên nhận tại nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả hoặc nhận kết quả tại nhà (nếu tổ chức, cá nhân đăng ký dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ yêu cầu) hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

**2. Cách thức thực hiện:**

+ Nộp hồ sơ qua môi trường mạng (dịch vụ công trực tuyến, Fax, email), trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Bình Dương.

+ Trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

***1. Hồ sơ đối với tàu đóng mới gồm:***

- Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT*;

- Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT *Phụ lục Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT*;

- Bản chính văn bản chấp thuận đóng mới đối với tàu cá hoặc văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu công vụ thủy sản;

- Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên.

***2. Hồ sơ đối với tàu cải hoán gồm:***

- Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT *Phụ lục* *XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;*

- Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

- Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu theo Mẫu số 04.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;*

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ;

- Văn bản chấp thuận cải hoán của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

***3. Hồ sơ đối với tàu được mua bán, tặng cho gồm:***

- Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;*

- Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

- Bản chính Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;

- Văn bản chấp thuận mua, bán tàu cá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp tàu cá mua bán trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

- Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

***4. Hồ sơ đối với tàu thuộc diện thuê tàu trần gồm:***

- Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;*

- Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

- Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã qua sử dụng;

- Bản chụp có chứng thực Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

- Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Bản chính văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

- Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.

***5. Hồ sơ đối với tàu nhập khẩu gồm:***

a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;*

b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

đ) Bản sao có chứng thực văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền;

e) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng;

g) Bản sao có chứng thực Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

h) Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân đề nghị.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

\* Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản

\* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

\* Cơ quan trực tiếp thực hiện Tổ chức hành chính: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

\* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục XVI và cấp Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** Chưa có văn bản quy định.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):**

***Khoản 3 Điều 70 Luật Thủy sản quy định:***

3. Tàu cá được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có giấy tờ chứng minh về sở hữu hợp pháp tàu cá;

b) Có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với tàu cá quy định phải đăng kiểm;

c) Có giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký tàu cá đối với trường hợp thuê tàu trần; giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá đối với trường hợp nhập khẩu, mua bán, tặng cho hoặc chuyển tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

d) Chủ tàu cá có trụ sở hoặc nơi đăng ký thường trú tại Việt Nam.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2017;

+ Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; Công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; Bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; Đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; Xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

+ Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

Mẫu số 02.ĐKT-Thông tư số 01/2022

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----------------**

................, *ngày....... tháng...... năm........*

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN(\*)**

Kính gửi: ..........................................................................................

Họ tên người đứng khai:...............................................................................

Thường trú tại: .............................................................................................

Số CCCD/CMND:…………………….............................................................

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá/tàu công vụ thủy sản(\*) với nội dung sau:

**1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu: …...................................; Công dụng (nghề):….............................

Năm, nơi đóng: ….........................................................................................

Cảng đăng ký: …...........................................................................................

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=….....…; Bmax=…...…..; D=………

                                                 Ltk =……..; Btk…=……....; d=….....…

Vật liệu vỏ: …....................................; Tổng dung tích (GT): ….....................

Trọng tải toàn phần, *(DW):*….....................Số thuyền viên, *người*….............

Nghề chính: …..........................................Nghề phụ:….................................

Vùng hoạt động:…..........................................................................................

Máy chính:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Ký hiệu máy | Số máy | Công suất định mức, *kW* | Vòng quay định mức*, rpm* | Ghi chú |
|   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |

**2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (*Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ*):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Địa chỉ | Chứng minh nhân dân/căn cước công dân |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU** |

*Ghi chú: (\*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.*

Mẫu số 03.ĐKT-Thông tư số 01/2022

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ SỞ ĐÓNG TÀU-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số:          /GCNXX | *…….., ngày… tháng … năm 20..* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG**

Tên sản phẩm:…………………………………………………………......

Nơi đóng:………….…………………………………………………….....

Địa chỉ:……………………………………………………………….........

Năm đóng:…………………………………………………………...........

Ký hiệu thiết kế:………………………………………………………......

Đơn vị thiết kế thiết kế:………………………………………………......

Cơ sở đăng kiểm: ..............................................................................

Thông số cơ bản của tàu: Lmax=………; Bmax=……..; D=………….

                                          Ltk =……...; Btk...=….......; d=…………….

Vật liệu vỏ:………………………; cấp tàu:……………...………………

Công dụng (nghề): .............................................................................

Máy chính:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Ký hiệu máy | Số máy | Công suất (kW) | Năm chế tạo | Nơi chế tạo |
|   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **CƠ SỞ ĐÓNG TÀU** |

Mẫu số 04.ĐKT-Thông tư số 01/2022

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU**

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ SỞ ĐÓNG TÀU-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số:          /GCNXX | *…….., ngày… tháng … năm ...* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU**

Tên sản phẩm:…………………………………………………………

Nơi cải hoán, sửa chữa:………………………………………………

Địa chỉ:…………………………………………………………………..

Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm.. đến ngày ... tháng ...năm…

Ký hiệu thiết kế:…………………………………………………………….

Đơn vị thiết kế:……………………………………………………………..

Cơ sở đăng kiểm phê duyệt thiết kế: ………....…………………………

***Thông số cơ bản trước cải hoán/sửa chữa***(m):

Lmax=……; Bmax=……..;

D=…………… Ltk =……...; Btk...=….......; d=…………......

Vật liệu vỏ:…………………, Cấp tàu:…………………………………………..

Công dụng (nghề): .......................................................................................

Máy chính:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Ký hiệu máy | Số máy | Công suất (kW) | Năm chế tạo | Nơi chế tạo |
|   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |

***Thông số cơ bản sau cải hoán/ sửa chữa***(m):

Lmax=………; Bmax=…….;

D=…………… Ltk =……...; Btk...=….......; d=…………...

Vật liệu vỏ:…………………, Cấp tàu:…………………………………………..

Công dụng (nghề): .......................................................................................

Máy chính:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Ký hiệu máy | Số máy | Công suất (kW) | Năm chế tạo | Nơi chế tạo |
|   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |

Đã hoàn thành việc cải hoán/ sửa chữa, đủ điều kiện xuất xưởng./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **CƠ SỞ ĐÓNG TÀU** |